

Bản án số: **96/2024/HS-ST**
Ngày 28 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý và ông Nguyễn Văn Thái

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Ngọc Nương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 99/2024/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cao Văn B**, sinh năm 1995 tại tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn C, xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn D (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh 1974; vợ: Dương Thị N, sinh 1997; con: Có 02 con, con lớn sinh 2017, con nhỏ sinh 2024; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo đầu thú, không bị giam giữ. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn G, xã C, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. (*Vắng mặt*)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Phạm Hồng C, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. (*Vắng mặt*)

+ Anh Lê Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường N, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. (*Vắng mặt*)

- *Người làm chứng*: Ông Dương Thanh T, sinh năm 1954; địa chỉ: thôn G, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Văn B và anh Hoàng Văn T có mối quan hệ quen biết nhau, vì cùng là công nhân của Công ty TNHH Luxshare khu Công nghiệp Vân Trung và ở cùng dãy nhà trọ ở thôn Giá, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 08/5/2024, B đang ở phòng trọ thì thấy anh T đi bộ đi làm. Quan sát thấy cửa phòng trọ của anh T không khoá, thấy xe mô tô anh T dựng ở dưới sân nhà trọ, B nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô anh T, rồi đi sang phòng trọ anh T mở cửa vào trong tìm chìa khoá, thì thấy chìa khoá xe mô tô để ở trên bàn. Bình lấy chìa khoá xe mô tô rồi đi ra ngoài đi đến chiếc xe mô tô anh T dựng ở sân nhà trọ, dắt xe mô tô ra nổ máy đi đến cửa hàng cầm đồ ở Tổ dân phố My Điền 2, Phường Nénh, Thị Xã Việt Yên, nói dối là xe mô tô của B rồi cầm cho anh Phạm Hồng C là nhân viên cửa hàng được 8.000.000đ. Lấy được tiền, B dùng chỉ tiêu cá nhân hết.

Đối với anh T, sau khi đi làm về, phát hiện thấy chiếc xe mô tô bị mất trộm. Qua trích xuất camera nhà trọ, anh T phát hiện B là người đã trộm cắp chiếc xe mô tô của anh nên đã đi gặp hỏi thì B thừa nhận đã trộm cắp xe mô tô của anh. Anh T yêu cầu B đem trả lại xe mô tô thì Bình hứa sẽ trả nhưng không chuộc xe đem trả lại anh T nên buổi sáng ngày 16/5/2024 anh T đã làm đơn trình báo.

Buổi chiều cùng ngày 16/5/2024, B đã đi chuộc lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98L1 – 135.46 do B trộm cắp trả cho anh T.

Ngày 17/5/2024, biết hành vi trộm cắp xe mô tô của mình đang bị điều tra, Bình đến cơ quan Công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Cùng ngày, Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Dũng đã thu giữ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98L1 – 135.46 do anh Thành đem đến nộp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 31/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô B trộm cắp của anh T là 10.700.000đồng.

Ngày 03/7/2024, cơ quan điều tra đã trả anh T chiếc xe mô tô 98L1 – 136.46 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe tô 98L1 – 136.46, anh T đã nhận lại xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe, anh không đề nghị bồi thường gì.

Tại cơ quan điều tra, Cao Văn B đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 95/CT-VKSYD ngày 05/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố bị cáo Cao Văn B về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung, diễn biến Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và xác định việc bị truy tố là đúng người, đúng tội, không oan. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo không có ý kiến gì.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Văn B từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Cao Văn B cho UBND xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với nội dung bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và hình phạt.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện

đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa xét xử vụ án, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ. Do vậy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Xét về hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố thì thấy: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại cơ quan điều tra, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 7 giờ 30 phút ngày 08/5/2024, tại thôn Giá, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Cao Văn B có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô Biển kiểm soát 98L1 – 136.46 trị giá 10.700.000đ của anh Hoàng Văn T, sinh năm 1999 ở thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, sau đó đem đến cửa hàng cầm đồ Vũ Nhân ở tổ dân phố My Điện 2, phường Nénh, thị xã Việt Yên cầm lấy 8.000.000đ dùng chi tiêu cá nhân hết. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 95/CT-VKSYD ngày 05/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng truy tố bị cáo Cao Văn B theo tội danh, điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi, ham chơi, lười lao động, muốn có tiền tiêu sài bằng con đường bất chính nên vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo và bị hại là bạn bè quen biết cùng xóm trọ, bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý

hoang mang và bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã chuộc lại tài sản để trả cho bị hại nhằm khắc phục hậu quả; sau khi phạm tội biết hành vi của mình bị phát hiện nên đã ra đầu thú; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, lao động để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình để trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội sau này và cũng thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về áp dụng án treo. Hội đồng xét xử thấy cho bị cáo hưởng án treo và theo mức hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tội phạm này có quy định hình phạt bổ sung bằng tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Hoàng Văn T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên về vấn đề trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát mô tô biển kiểm soát 98L1 – 136.46 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98L1 – 136.46 đã được Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Hoàng Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Đối với các vấn đề khác: Trong vụ án này, anh Phạm Hồng C có hành vi nhận cầm chiếc xe mô tô do B trộm cắp đem đến cầm. Tuy nhiên, khi nhận cầm xe mô tô của Bình, anh C không biết đó là xe mô tô do phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Đối với anh Lê Văn H là chủ cửa hàng cầm đồ Vũ Nhân, anh H không trực tiếp nhận cầm chiếc xe, cửa hàng có giấy chứng nhận kinh doanh theo quy định nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Ngoài ra cần áp dụng quy định tại Điều 331; Điều 333 và khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự để tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 và khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Cao Văn B 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/9/2024).

Giao bị cáo Cao Văn B cho Ủy ban nhân dân xã Phụng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho

hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Cao Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo; người TGTT;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thủy